

Số: 06/2021/QĐHG-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thẩm phán ra quyết định: Ông Lương Ngọc Dũng

Căn cứ vào Điều 38, Điều 39 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 03 tháng 12 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn giữa:

- Người khởi kiện: Anh Đỗ Hữu Ch, sinh năm 1978, nơi cư trú: Xóm B, thôn Mỹ Gi, xã Kênh Gi, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Phòng;

- Người bị kiện: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982, nơi ĐKKHKT: Xóm B, thôn Mỹ Gi, xã Kênh Gi, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Seoul-si Gangseo-gu D, Hàn Quốc;

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Tho: Ông Nguyễn Đăng L, sinh năm 1937, nơi cư trú: Xóm B, thôn Mỹ Gi, xã Kênh Gi, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Phòng;

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án,

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa anh Đỗ Hữu Ch và chị Nguyễn Thị Th.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa anh Đỗ Hữu Ch và chị Nguyễn Thị Th về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản chung: Anh Đỗ Hữu Ch và chị Nguyễn Thị Th thống nhất có tài sản chung là diện tích đất ở $157,3m^2$ tại thửa số 193, tờ bản đồ số 01, thôn Chợ Gi, xã Kênh Gi, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Phòng, trên đất gồm 02 căn nhà cấp 4: Một căn nhà có diện tích $57,7m^2$ và một căn có diện tích $11m^2$ do anh Ch đang sử dụng; đã được UBND huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CU 482853, ngày 13/02/2020, số vào sổ cấp GCN là CH 01503 mang tên ông Đỗ Hữu Ch và bà Nguyễn Thị Th.

2.2. Người bị kiện chị Th đồng ý trả cho người khởi kiện anh Ch 340.000.000 (ba trăm bốn mươi triệu) đồng và các bên thực hiện việc giao nhận tiền ngay tại buổi hòa giải và ghi nhận kết quả hòa giải ngày 03/12/2021, anh Ch đã nhận đủ 340.000.000 (ba trăm bốn mươi triệu) đồng.

2.3. Chị Th được nhận toàn bộ quyền sử dụng diện tích $157,3m^2$ đất tại thửa số 193, tờ bản đồ số 01, thôn Chợ Gi, xã Kênh Gi, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Phòng và toàn quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất (bao gồm 2 căn nhà cấp 4: Một căn nhà có diện tích $57,7m^2$ và một căn có diện tích $11m^2$); toàn bộ tài sản là diện tích $157,3m^2$ và tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng riêng của chị Th.

2.4. Về nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên:

Anh Ch phải chuyển lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 482853 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 13/02/2020, số vào sổ cấp GCN là CH 01503 mang tên ông Đỗ Hữu Ch và bà Nguyễn Thị Th cho chị Th;

Anh Ch và chị Th có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất và đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Anh Ch phải chuyển tất cả đồ đạc cá nhân ra khỏi nhà và hoàn trả lại cho chị Th toàn bộ 02 căn nhà cấp 4 và diện tích $157,3m^2$ đất tại thửa số 193, tờ bản đồ số 01, thôn Chợ Gi, xã Kênh Gi, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất số CU 482853 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 13/02/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các bên liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Các bên;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện Thủy Ng, Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, HCTP.

THẨM PHÁN

Lương Ngọc Dũng